

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/DS-ST

Ngày: 01-7-2025 .

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Chơn.

2. Bà Phan Thị Dòn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Võ Kim Cường-Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 204/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm: 1995. Địa chỉ: 137 Nguyễn Hữu Trí, xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thùy Song Thương và bà Bùi Thị Duyên Hồng. Cùng địa chỉ: 459B Nguyễn Văn Luông, phường Phú Lâm, Tp.HCM.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Căn hộ 9.11 Block HQ1, chung cư HQC Plaza, phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày:

Do có quan hệ quen biết từ trước, vào ngày 20/6/2021, bà Nguyễn Thị Kiều T có cho ông Huỳnh Thanh D vay số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) để đóng tiền tất toán ra sổ hồng căn hộ 9.11 mà ông D đang ở, lãi suất là 3%/tháng; Đến ngày 20/10/2021, ông D tiếp tục vay của bà T số tiền là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng), không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn

Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay thì ông D vẫn chưa trả cho bà T bất cứ một đồng nào tiền lãi suất, mặc dù bà T đã đòi nhiều lần nhưng ông D luôn tìm cách tránh né, không chịu gặp mặt và cũng không đồng ý trả lại số tiền đã vay. Xét thấy ông D đã vi phạm hợp đồng đối với thỏa thuận của Hợp đồng vay tài sản trên.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*”

Do đó, bằng văn bản này, tôi kính đề nghị Quý tòa xem xét và giải quyết các yêu cầu sau:

1. Đối với khoản nợ theo Giấy vay nợ ngày 20/6/2021: *Số tiền nợ gốc là: 200.000.000 đồng;*

- Số tiền lãi suất trong hạn tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 24/2/2025 (44 tháng), cụ thể là: 200.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 48 tháng = 146.608.000 đồng;

Số tiền lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 25/2/2025 đến ngày đến ngày vụ án được đưa ra xét xử, cụ thể là: (200.000.000 đồng x 1,666%/tháng x 150%) x 4 tháng 5 ngày = 20.825.000 đồng.

2. Đối với khoản nợ theo Giấy vay nợ ngày 20/10/2021:

- Số tiền nợ gốc là: 48.000.000 đồng; đối với khoản vay này không có thỏa thuận lãi suất. Tổng số tiền yêu cầu ông D phải trả là 415.433.000 đồng (Bốn trăm mười lăm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng). Bà T cho ông D vay là tài sản riêng của bà T, không liên quan đến tài sản chung đối với chồng là ông Nguyễn Di Tân. Bà T cho cá nhân ông D vay nên bà T chỉ yêu cầu cá nhân ông D chịu trách nhiệm đối với khoản vay trên đối với bà T.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý với việc trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và không đồng ý việc xin miễn tiền lãi chậm trả. Nguyên đơn khẳng định các chứng cứ cung cấp cho Tòa án là sự thật.

Tại phiên tòa; đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu lãi phạt 150%; chỉ yêu cầu áp dụng một mức lãi suất duy nhất 1.666%/tháng đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng; thời hạn tính lãi suất từ ngày 20/6/2021 đến ngày 01/7/2025 (1472 ngày, làm tròn 49 tháng). Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai: Bị đơn ông Huỳnh Thanh D trình bày: Ông D xác nhận nội dung đơn khởi kiện là đúng; ông có vay của bà T tổng số tiền 248.000.000 đồng theo thỏa thuận như bà T trình bày, có làm giấy vay nợ và ký nhận; ông đã nhận đủ tiền vay là 248.000.000 đồng.

Ông D xác nhận chưa trả cho bà T tiền lãi suất. Ông D vay tiền của bà T sử dụng vào mục đích cá nhân nên một mình ông chịu trách nhiệm đối với khoản vay với bà T, không liên quan đến ai. Ông D đề nghị trả mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin miễn tiền lãi suất. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự; quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Huỳnh Thanh D có nơi cư trú tại xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Bà Nguyễn Thị Kiều T cam kết khoản tiền cho ông Huỳnh Thanh D vay là tài sản riêng của bà và chịu trách nhiệm với cam kết của mình. Bà T chỉ yêu cầu một mình ông D chịu trách nhiệm đối với khoản vay và ông D cam kết ông vay tiền sử dụng vào mục đích cá nhân và một mình ông chịu trách nhiệm đối với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử không cần thiết đưa thêm ai khác vào tham gia tố tụng.

[1.3]. Về sự vắng mặt của bị đơn ông Huỳnh Thanh D. Do ông D có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Thanh D trả số tiền nợ gốc 248.000.000 đồng và tiền lãi với tổng số tiền là 415.433.000 đồng.

[2.1]. Căn cứ giấy vay nợ ngày 20/6/2021 và giấy vay nợ ngày 20/10/2021 giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Huỳnh Thanh D với nội dung bà T cho ông D vay tổng số tiền là 248.000.000 đồng.

Căn cứ vào thông báo về việc trả tiền ngày 24/02/2025.

Căn cứ vào sự xác nhận của ông Huỳnh Thanh D rằng chữ ký trên giấy mượn tiền là của ông, ông thừa nhận có mượn tiền của bà T, đã nhận đủ tiền và chưa trả lãi suất

Như vậy, có cơ sở xác định ông D vay bà T số tiền 248.000.000 đồng.

[2.2] Do ông D không trả tiền lãi hàng tháng theo thỏa thuận, nên ngày 24/02/2025 bà T đã có văn bản thông báo về việc ông D phải trả tiền cho bà T. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*”

Đồng thời tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định về nghĩa trả nợ của bên vay: *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền đã vay và tiền lãi là có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận;

[2.3] Các đương sự cho vay mượn tiền thỏa thuận về lãi suất là 3%/tháng; nhưng ông D chưa trả tiền lãi theo thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét và điều chỉnh lại mức lãi suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu một mức lãi suất đối với khoản nợ gốc 200.000.000 đồng là 1.666%/tháng; tính từ ngày 20/6/2021 đến ngày 01/7/2025 (1472 ngày, làm tròn 49 tháng).

Đối với yêu cầu tiền lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 25/2/2025 đến ngày đến ngày vụ án được đưa ra xét xử, mức lãi suất 150% lãi trong hạn. Đại diện nguyên đơn

rút lại yêu cầu này. Tuy nhiên đối với yêu cầu này Tòa án chưa thụ lý, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Xét yêu cầu về lãi suất 1.666%/tháng là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Nguyên đơn và bị đơn đều xác định số tiền vay mượn nhau là đúng; các đương sự đều xác định chưa thanh toán bất kỳ đồng tiền lãi suất nào cho nhau. Bị đơn xác định đã nhận đủ tiền; nhưng do hoàn cảnh khó khăn và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng và xin không tính lãi suất. Nguyên đơn không đồng ý.

Có cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền nợ gốc là 248.000.000 đồng; do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét phát biểu của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Huỳnh Thanh D trả cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền nợ gốc là 248.000.000 (Hai trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Buộc ông Huỳnh Thanh D trả cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền lãi là 200.000.000 đồng x 1.666%/tháng x 49 tháng = 163.268.000 đồng.

Tổng số tiền ông D phải trả cho bà T là: 411.268.000 (Bốn trăm mười một triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn) đồng.

Giấy vay nợ ngày 20/6/2021 và giấy vay nợ ngày 20/10/2021 giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Huỳnh Thanh D không còn giá trị pháp lý.

Các bên thi hành án tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh D chịu 20.450.720 (Hai mươi triệu, bốn trăm năm mươi nghìn, bảy trăm hai mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí là 9.865.200 (Chín triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm) đồng; theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0052086 ngày 18/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự (4);
- VKSND KV10 (2);
- Phòng THADS KV10 (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

2AAKKBR*eijcaj+

Vũ Ngọc Chiến